

## Đức Giê-su, Đấng Kiện Toàn Lê Luật (Mt 5,17-48): Phân Tích và Đối Chiếu Giữa Luật Cựu Ước và Luật Đức Giê-su

Jesus, the Fulfiller of the Law (Mt 5:17–48): An Analysis and Comparison Between the Law of the Old Testament and the Law of Jesus

Nguyễn Văn Biển, S.J.

<sup>1</sup>Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Vietnam

\*Email tác giả liên hệ: [jbvanbien@gmail.com](mailto:jbvanbien@gmail.com)

 <https://doi.org/10.54855/csl.26623>

® Copyright (c) 2026 Nguyễn Văn Biển

Received: 01/04/2026

Revision: 22/06/2026

Accepted: 01/07/2026

Online: 01/07/2026

### ABSTRACT

**Keywords:** Old Testament Law, the Law of Jesus, fulfillment, righteousness

When speaking about the relationship between Himself and the Law of the Old Testament, Jesus affirms: "Do not think that I have come to abolish the Law of Moses or the words of the prophets. I have come not to abolish but to fulfill" (Mt 5:17). Here, it is not because the Law of the Old Testament had deficiencies and limitations that Jesus came to fulfill it by abolishing this, adding that, in order to make it complete. Rather, He brings an authentic interpretation of the Law of the Old Testament and makes these Laws become more fully themselves. The following article seeks to clarify these matters, first by describing Jesus as the Fulfiller of the Law (Mt 5:17–20). Next, the article proceeds to analyze and compare the Law of the Old Testament and the Law of Jesus by examining the six antitheses (Mt 5:21–48), so that through this we may see Jesus' fulfillment of the Law of the Old Testament. Finally, the article humbly offers some invitations to live by for people in today's world.

### TÓM LƯỢC

**Từ khoá:** Luật Cựu Ước, Luật Đức Giê-su, kiện toàn, công chính

Khi nói về mối tương quan giữa Ngài với Luật Cựu Ước, Đức Giê-su khẳng định: “Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Mô-sê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải để bãi bỏ nhưng là để kiện toàn” (Mt 5,17). Ở đây, không phải vì Luật Cựu Ước có những khiếm khuyết và giới hạn, nên Đức Giê-su đến để kiện toàn bằng cách bãi bỏ điều này, thêm thắt điều kia, để cho nó trở nên hoàn chỉnh. Nhưng đúng hơn, Ngài đưa đến một sự giải thích đích thực đối với Luật Cựu Ước và làm cho những Lê Luật này được trở nên là chính nó hơn. Bài viết dưới đây nỗ lực làm rõ những vấn đề trên, trước hết bằng việc mô tả Đức Giê-su là Đấng kiện toàn Lê Luật (Mt 5,17-20). Kế đến, bài viết đi vào phân tích, đối chiếu giữa Luật Cựu Ước và Luật Đức Giê-su bằng việc so sánh đối chiếu sáu phản đề (Mt 5,21-48), để qua đó, chúng ta thấy được sự kiện toàn của Đức Giê-su nơi Luật Cựu Ước. Cuối cùng, bài viết mạo muội đưa ra những lời mời gọi sống cho con người trong thời đại ngày nay.

## Dẫn Nhập

It-ra-en được Thiên Chúa chọn làm dân riêng của Ngài, một dân tộc có Thiên Chúa là Vua, có Đất Hứa làm vùng lãnh thổ, và có Lễ Luật để duy trì sự tồn tại của dân tộc ấy. Bản văn Kinh Thánh Cựu Ước cho thấy Lễ Luật ấy không do con người làm ra, nhưng được Thiên Chúa ban tặng (Đnl 4,1-7). Như thế, có thể nói, Lễ Luật được ban trong Cựu Ước đã đạt được sự trọn vẹn, vì nó xuất phát từ Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng và Khôn Ngoan. Thế nhưng, trong Tân Ước, Đức Giê-su - Ngôi Hai Thiên Chúa Nhập Thể - mạc khải Người như là Đấng kiện toàn Lễ Luật: “Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Mô-sê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải để bãi bỏ nhưng là để kiện toàn” (Mt 5,17)<sup>1</sup>. Qua lời của Đức Giê-su nói về sứ mạng chính mình như thế, phải chăng Lễ Luật trong Cựu Ước có những hạn chế và thiếu sót, nên cần phải được Đức Giê-su kiện toàn? Thế nhưng, vì Thiên Chúa là Đấng Nhất Quán trong mọi lời nói và việc làm, nên chẳng cần hiểu “kiện toàn” Lễ Luật của Đức Giê-su hàm ý điều gì?

Bài viết này, người viết nỗ lực trong giới hạn của mình, cố gắng làm rõ những vấn đề ở trên ngang qua việc phân tích và đối chiếu giữa Luật Cựu Ước và Luật Đức Giê-su dựa trên đoạn Tin Mừng Mát-thêu 5,17-48. Bố cục của bài viết này, người viết khởi đi từ việc tìm hiểu về giới hạn và bối cảnh của bản văn. Tiếp đến, đi vào phân tích bản văn để cố gắng nêu bật những đặc điểm nổi trội và tính hoàn thiện của Luật Đức Giê-su so với Luật Cựu Ước ngang qua sáu phản đề. Cuối cùng là lời mời gọi sống mà nội dung đoạn Tin Mừng muốn nhấn nhủ.

## Introduction

Israel was chosen by God to be His own people—a nation having God as King, the Promised Land as its territory, and the Law to sustain the existence of that nation. The text of the Old Testament shows that this Law was not made by human beings but was given as a gift by God (Deut 4:1–7). Thus, it can be said that the Law given in the Old Testament had already attained its fullness, since it came from God, who is Almighty and Wise. And yet, in the New Testament, Jesus—the Second Person of God Incarnate—reveals Himself as the Fulfiller of the Law: "Do not think that I have come to abolish the Law of Moses or the words of the prophets. I have come not to abolish but to fulfill" (Mt 5:17).<sup>[1]</sup> Through these words of Jesus concerning His own mission, does it mean that the Law of the Old Testament had limitations and shortcomings, such that it needed to be fulfilled by Jesus? Yet, since God is consistent in all His words and deeds, how then should we understand what Jesus' "fulfillment" of the Law implies?

In this article, the writer endeavors, within his own limitations, to clarify the matters above through an analysis and comparison between the Law of the Old Testament and the Law of Jesus, based on the Gospel passage of Matthew 5:17–48. As for the structure of this article, the writer begins by examining the scope and context of the text. Next, he proceeds to analyze the text in order to bring out the surpassing distinctive features and the fulfilling character of the Law of Jesus compared with the Law of the Old Testament, through the six antitheses. Finally, there is the invitation to live out the message that the content of this Gospel passage seeks to convey.

---

<sup>1</sup> Các trích dẫn Thánh Kinh của Bài viết này theo bản dịch *Kinh Thánh: ấn bản 2011* của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ, viết tắt CGKPV (Hà Nội: NXB Tôn Giáo 2019).

## Bối Cảnh Của Bản Văn

Bối cảnh thời gian của bản văn là sau khi Đức Giê-su đi khắp các miền Ga-li-lê để giảng dạy trong các hội đường, rao giảng Tin Mừng Nước Trời, và chữa lành các bệnh hoạn tật nguyền trong dân. Dân chúng khắp các xứ Ga-li-lê, Thập Tỉnh, Giê-ru-sa-lem, Giu-đê, và các vùng bên kia sông lũ lượt kéo đến đi theo Người. Đức Giê-su lên núi, ngồi xuống, và giảng dạy cho các môn đệ và đám đông.

Nhân vật chính trong bản văn này là Đức Giê-su. Ngoài ra, trong bản văn này còn có những khán thính giả là các môn đệ, những người ngồi gần Đức Giê-su và đám đông dân chúng ngồi từ xa, đến từ các miền Ga-li-lê, Thập Tỉnh, Giê-ru-sa-lem, Giu-đê, và các vùng bên kia sông kéo đến đi theo Người.

Bối cảnh trước của bản văn Mt 5,17-48 là Đức Giê-su đi khắp các miền Ga-li-lê để giảng dạy trong các hội đường, rao giảng Tin Mừng Nước Trời, và chữa lành bệnh hoạn tật nguyền trong dân. Dân chúng khắp các xứ Ga-li-lê, Thập Tỉnh, Giê-ru-sa-lem, Giu-đê, và các vùng bên kia sông lũ lượt kéo đến để đi theo Người. Bối cảnh sau của bản văn Mt 5,17-48 là Đức Giê-su xuống núi, đám đông lữ lượt đi theo Người. Người chữa lành người bị phong hủi, và sau đó vào thành Ca-phác-na-um.

Bối cảnh của bản văn Mt 5,17-48 thuộc về diễn từ thứ nhất (diễn từ Bài Giảng Trên Núi, Mt 5-7), trong số năm diễn từ của Tin Mừng theo thánh Mát-thêu. Trình thuật này cho thấy bối cảnh Đức Giê-su ban bố Hiến Chương Nước Trời trên một ngọn núi, thuộc vùng Ga-li-lê. Ở gần bên Người là các môn đệ, còn bên dưới, phía xa hơn, là đám đông dân chúng. Khung cảnh này gợi lại biến cố Thiên Chúa ban Thập Điều cho dân Ít-ra-en trên Núi Si-nai, qua trung gian Mô-sê. Ở đây, Đức Giê-su còn trội vượt hơn cả Mô-sê, vì Người là Đấng ban bố Lễ Luật chứ không giống như Mô-sê, chỉ giữ vai trò trung gian giữa Thiên Chúa và Dân Người trong Cựu Ước. Trong trình thuật Mô-sê, khi Luật được trao ban ở trên núi, dân chúng bị cấm không được tới gần; nhưng ở đây, tất cả mọi người đều được mời gọi đến để nghe. Đối tượng lắng nghe Đức Giê-su là các môn đệ và đám đông dân chúng, không giới hạn về tầng lớp địa vị hay màu da, sắc tộc.<sup>2</sup>

## Phân Tích Bản Văn

### *Cấu Trúc Của Bản Văn*

Hiện nay, có nhiều cách phân chia khác nhau về cấu trúc bản văn Mt 5,17-48. Ở đây, người viết chia cấu trúc của bản văn này làm hai phần chính. Phần đầu Mt 5,17-20, nói về Đức Giê-su, Đấng kiện toàn Lễ Luật. Phần thứ hai Mt 5,21-48 là sáu phần đề với cấu trúc văn chương rất giống nhau, được trình bày theo hình thức đối lập: anh em đã nghe luật dạy rằng... Còn Thầy, Thầy bảo anh em. Theo sau sáu phần đề là một loạt hình ảnh minh họa được Đức Giê-su sử dụng để làm rõ và chứng minh cho những quan điểm của Người.

### *Nội Dung Chính Của Bản Văn*

Vấn đề trọng tâm của bản văn này trình bày mối tương quan giữa việc giảng dạy của Đức Giê-su so với Luật Cựu Ước. Đức Giê-su muốn nói, Người không thay đổi hay bãi bỏ Luật Cựu

---

<sup>2</sup> Manlio Simonetti, ed., *Matthew 1-13*, Ancient Christian commentary on Scripture 1a (Downers Grove, Ill: InterVarsity Press, 2001), 78.

Ước; nhưng đúng hơn, đó là sự giải thích đích thực đối với Luật Cựu Ước. Rõ ràng, Đức Giê-su mang đến một điều mới. Đó là sự công chính mới. Nhưng điều mới đó không hề đối lập với Luật Cựu Ước, nhưng là những hàm ý mà trước đây chưa được hiểu rõ. Sáu phần đề trong Mt 5,21-48 sẽ minh họa và làm rõ cho điều này.<sup>3</sup>

Để giúp quý độc giả hiểu rõ hơn về nội dung bản văn, đặc biệt thấu đạt được phần nào về sự công chính và nền đạo đức mới, ngang qua việc so sánh, đối chiếu giữa Luật Cựu Ước với Luật Đức Giê-su, trước hết, người viết xin trình bày Đức Giê-su, Đấng kiện toàn Lề Luật.

#### a. Đức Giê-su, Đấng kiện toàn Lề Luật (Mt 5,17-20)

Đoạn Tin Mừng Mt 5,17-20 nêu bật lên hình ảnh một Đức Giê-su, Đấng đến thế gian không phải để phá hủy, nhưng là để kiện toàn Lề Luật. Đoạn Tin Mừng này được phác họa ngang qua cấu trúc như sau:

1. Đức Giê-su kiện toàn Lề Luật (Mt 5,17-19)
  - 1.1. Nêu rõ mục đích Người đến không phải để bãi bỏ, nhưng để kiện toàn (c. 17)
  - 1.2. Cơ sở thứ nhất cho giá trị tồn tại và tầm quan trọng của Luật Cựu Ước
    - Trôi và đất qua đi, một chiasm một phết cũng sẽ không qua đi, cho đến khi mọi sự được hoàn thành (c. 18)
  - 1.3. Cơ sở thứ hai cho giá trị tồn tại và tầm quan trọng của Luật Cựu Ước
    - Ai phạm điều nhỏ nhất và dạy người khác làm, sẽ thành kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời; còn ai tuân hành và dạy người khác làm, sẽ là lớn trong Nước Trời (c. 19)
2. Sự công chính lớn hơn (Mt 5,20)
  - 2.1. Điều kiện: Nếu không ăn ở công chính hơn các kinh sư và Pha-ri-siêu (c. 20a)
  - 2.2. Kết quả: Thì không được vào Nước Trời (c. 20b)

*“Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Mô-sê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải là để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn” (Mt 5,17)*

Luật Mô-sê và lời các ngôn sứ mà thánh sử Mát-thêu dùng ở đây nói đến toàn bộ Cựu Ước (Mt 7,12; 11,13; 22,40). Theo cách nói của người Do Thái, Cựu Ước bao gồm Kinh To-rah, lời tiên tri, và kinh văn. Đức Giê-su nói rõ sứ mệnh của Người là đến để kiện toàn, chứ không phải là phá hủy hay xóa bỏ Lề Luật (Mt 5,17).<sup>4</sup> Qua Mt 5,17, Đức Giê-su diễn tả mong ước của Người, là không muốn bất cứ ai hiểu lầm những gì mà Người sắp nói trong Mt 5,21-48, mà xem đó là sự xúc phạm đến Lề Luật. Trái lại, Đức Giê-su mong những người đang lắng nghe Lời Người hiểu rằng chính Người đang đào sâu ý nghĩa và giá trị của Luật Cựu Ước. Người không bãi bỏ, nhưng làm tròn ý định thực sự của Thiên Chúa muốn tiết lộ nơi những Luật Lệ này. Những ý nghĩa của Cựu Ước sẽ được trọn vẹn khi được ứng nghiệm trong việc làm và sự giảng dạy của Người. Chính Người nâng Cựu Ước lên một tầm cao mới. Những điều này sẽ được diễn tả trong những phần đề ở Mt 5,21-48.<sup>5</sup>

<sup>3</sup> Grant R. Osborne and Clinton E. Arnold, *Matthew*, Zondervan exegetical commentary series on the New Testament v. 1 (Grand Rapids, Mich: Zondervan, 2010), 179.

<sup>4</sup> Daniel J. Harrington, *The Gospel of Matthew*, Sacra pagina series 1 (Collegeville, Minn: Liturgical Press, 1991), 81.

<sup>5</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 180.

*“Vì, Thầy bảo thật anh em” (ἀμὴν γὰρ λέγω ὑμῖν)<sup>6</sup> (Mt 5,18a)*

Câu Kinh Thánh này, Đức Giê-su đã sử dụng hạn từ ἀμὴν (amen). Amen trong tiếng Do Thái thời Cựu Ước mang lấy ý nghĩa là xác minh một lời dạy quan trọng. Như thế, Đức Giê-su dùng hạn từ này để nêu bật lên một lời lẽ quan trọng mà Người muốn các môn đệ và đám đông dân chúng lắng nghe cẩn thận lời tuyên bố có tính thẩm quyền mà Người sắp nói ra. Công thức có tính thẩm quyền quan trọng: “Thầy bảo thật anh em” được thánh sử Mát-thêu sử dụng tới ba mươi một lần trong Tin Mừng của ngài.

*“trước khi trời đất qua đi, thì một chấm một phết trong Lề Luật cũng sẽ không qua đi, cho đến khi mọi sự được hoàn thành” (Mt 5,18b)*

Từ Hy Lạp *iota* (ἰῶτα) tương đương với chữ *yôd* trong tiếng Do Thái, có nghĩa là chữ cái nhỏ nhất trong bảng chữ cái, hay đề cập đến nét nhỏ được sử dụng để phân biệt các chữ cái, hoặc một nét mang tính trang trí được thêm vào một chữ cái.<sup>7</sup> Như thế, điều Chúa Giê-su muốn nói ở đây, Lề Luật là thánh, đến nỗi dấu mỗi chi tiết nhỏ nhất cũng sẽ không bao giờ mất đi.<sup>8</sup> Luật pháp vẫn còn nguyên vẹn và được bảo tồn nơi Con Người và lời dạy có thẩm quyền của Đấng Mê-si-a. Sự biến mất của trời đất có nghĩa là sự hủy diệt của tạo vật ban đầu (2 Pr 3,10; Kh 20,11; 21,1). Chừng nào trật tự thế giới hiện tại còn tiếp diễn, thì Cựu Ước vẫn còn giá trị, cho đến khi mọi thứ được hoàn thành. Thời điểm này được làm rõ trong mệnh đề thứ hai “cho đến khi”, sự ứng nghiệm của tất cả các lời tiên tri và ngôn sứ vốn có trong Kinh Thánh, bởi vì toàn bộ Cựu Ước đều quy hướng về Đức Giê-su Kitô. Điều này có mối liên hệ gần gũi với Mát-thêu 24,34.<sup>9</sup>

*“VẬY ai bãi bỏ dù chỉ là một trong những điều răn nhỏ nhất ấy, và dạy người ta làm như thế, thì sẽ bị gọi là kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời. Còn ai tuân hành và dạy làm như thế, thì sẽ được gọi là lớn trong Nước Trời” (Mt 5,19)*

Đức Giê-su nhấn mạnh đến việc giảng dạy cũng như tuân giữ các điều răn phải xuất phát từ trách nhiệm dạy dỗ người khác của các môn đệ. Việc Người đặt cạnh nhau giữa “kẻ nhỏ nhất” và “lớn trong Nước Trời”, gây nên nhiều tranh cãi. Một số học giả cho rằng đoạn này ám chỉ đến sự phân cấp địa vị trong Nước Trời.<sup>10</sup> Tuy nhiên, thiết nghĩ, ở đây Đức Giê-su không ám chỉ đến sự phân chia cấp bậc trong Nước Trời; nhưng đúng hơn, Người mời gọi chúng ta khiêm tốn thực thi và kiện toàn lề luật trong mọi điều, dầu là bé nhỏ.<sup>11</sup>

*“VẬY, Thầy bảo cho anh em biết, nếu anh em không ăn ở công chính hơn các kinh sư và người Pha-ri-siêu, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời” (Mt 5,20)*

Sự công chính mà Đức Giê-su đề cập ở đây có nghĩa là chúng ta sống cuộc đời mình theo ý muốn của Thiên Chúa. Hạn từ này mang tính đạo đức và có liên quan đến sự công bình trước mặt Thiên Chúa. Đức Giê-su đòi hỏi các môn đệ và đám đông phải sống sự công chính này vượt lên trên sự công bình mang tính pháp lý của các kinh sư và người Pha-ri-siêu. Sự công

<sup>6</sup> Các trích dẫn Thánh Kinh chữ Hy Lạp của bài viết này theo bản Hy Lạp trong trang web <https://biblehub.com/>.

<sup>7</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 181.

<sup>8</sup> William Barclay, ed., *The Gospel of Matthew*, Rev. ed., The Daily study Bible series (Philadelphia: Westminster Press, 1975), 127.

<sup>9</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 182.

<sup>10</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 183.

<sup>11</sup> Simonetti, *Matthew 1-13*, 97.

chính bằng mệnh lệnh và luật lệ thì không đủ. Lối sống mà Thiên Chúa đòi hỏi là lối sống của con tim, của đức ái, được thể hiện qua hành động hằng ngày. Cụm từ “vào Nước Trời” tương đương với sự hoán cải và sự sống đời đời, điều cũng được tìm thấy trong Mt 7,21; 18,3.8-9; 19,17.23-24; 23,14.<sup>12</sup>

Tóm lại, có thể thấy, các kinh sư và người Pha-ri-siêu đã cố gắng phát triển truyền khẩu để giải thích Luật Cựu Ước một cách rõ ràng hơn cho dân chúng. Họ nỗ lực làm việc đó ngõ hầu ý nghĩa của Luật được trở nên rõ ràng ở mức độ thực tế của việc sống chuẩn mực, đúng đắn hơn. Tuy nhiên, ngang qua những lời dạy của Đức Giê-su có thể nhận ra, họ đã không làm được điều đó, mà chỉ có Người mới có thể hoàn thành nó, nghĩa là đưa Luật Cựu Ước đến đúng mục đích của nó.<sup>13</sup> Những điều này sẽ được làm rõ ở phần sáu phần đề mà Đức Giê-sê nêu ra để làm nổi bật sự kiện toàn của Luật Đức Giê-su so với Luật Cựu Ước.

#### b. Sáu Phần đề (Mt 5,21-48)

Sáu phần đề Đức Giê-su đưa ra gồm các vấn đề: giết người, ngoại tình, ly dị, thề thốt, trả thù, yêu người lân cận. Sáu phần đề này ngoài việc minh họa sự công chính tốt hơn mà Đức Giê-su vừa yêu cầu, thì chúng còn giải thích việc Đức Giê-su đã kiện toàn Luật Pháp trong nền đạo đức mới như thế nào. Và để dễ dàng hơn trong việc phân tích và thấu đạt nội dung vừa nêu ra, người viết xin đưa ra bản đối chiếu những phần đề đó:

<b>Luật Cựu Ước</b>	<b>Luật Đức Giê-su</b>
Chớ giết người	Không giận, không mắng, không chửi, làm hòa
Chớ ngoại tình	Không thèm muốn, tránh có vấp phạm
Rầy vợ phải cho chứng thư ly dị	Phải trung tín trong hôn nhân, không rầy vợ, trừ hôn nhân bất thành
Chớ bội thề	Không thề thốt, có nói có, không nói không
Mắt đền mắt, răng đền răng	Không chống cự, ai vả má bên phải, thì đưa má bên trái
Yêu đồng loại và ghét kẻ thù	Yêu kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi

#### *Phần đề 1: Phần đề về giết người (Mt 5,21-26)*

Cấu trúc đoạn này mở đầu bằng một phần đề liên quan đến sự tức giận và khinh thường tha nhân (cc. 21-22). Tiếp theo là hai hình ảnh minh họa liên quan đến người anh em mà bạn cần làm hòa, và kẻ thù mà bạn phải hòa giải (cc. 23-26). Xuyên suốt đoạn này, Đức Giê-su sử dụng mức độ tăng dần, chuyển từ tình huống cộng đồng sang tình huống bên ngoài liên quan đến bản án tư pháp. Chúng ta có thể minh họa cấu trúc này theo sơ đồ sau:<sup>14</sup>

1. Phần đề (Mt 5,21-22)
  - 1.1. Truyền thống: Chớ giết người (c. 21)
  - 1.2. Đức Giê-su: Không được tức giận (c. 22)
    - 1.2.1. Ai giận bị đưa ra tòa (c. 22a)
    - 1.2.2. Khinh thường đáng bị lửa hỏa ngục thiêu đốt (c. 22b)

<sup>12</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 183-184.

<sup>13</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 179.

<sup>14</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 189.

2. Minh họa bên trong: Hòa giải với anh em (Mt 5,23-24)
  - 2.1. Ngồi trước bàn thờ, nhận ra ai đó đang tức giận (c. 23)
  - 2.2. Hành động hòa giải trước khi thờ phượng (c. 24)
3. Minh họa bên ngoài: Hòa giải với kẻ thù (Mt 5,25-26)
  - 3.1. Đang trên đường tới tòa án (c. 25a)
  - 3.2. Hành động hòa giải trong khi bạn có thể (c. 25a)
    - 3.2.1. Mỗi nguy thứ nhất: Nộp cho quan tòa, giao cho thuộc hạ, bị tống ngục (c. 25b)
    - 3.2.2. Mỗi nguy thứ hai: Phải trả hết đồng xu cuối cùng (c. 26)

*“Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng: Chớ giết người; ai giết người, thì đáng bị đưa ra tòa” (Mt 5,21)*

Luật xưa mà Đức Giê-su muốn nói đến ở đây ắt hẳn là điều được đề cập trong Xuất Hành: “Người chớ giết người” (Xh 20,13), hay “Người không được giết người” (Đnl 5,17). Điều răn đề cập đến việc giết người được hiểu là tước đoạt mạng sống của người khác một cách bất công.<sup>15</sup> Trong hệ thống xã hội Do Thái thời đó, một tòa án địa phương gồm hai hay ba thành viên xét xử những tội ác nghiêm trọng như giết người.<sup>16</sup>

*“Ai mắng anh em mình là đồ ngốc, thì đáng bị đưa ra trước Thượng Hội Đồng” (Mt 5,22a)*

Trong đoạn văn này, Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ đã dịch hạn từ *Paká (raca)* thành từ đồ ngốc. Tuy nhiên, nếu dịch hạn từ *“raca”* là đồ ngốc, thì dường như chưa lột tả trọn vẹn ý nghĩa nội hàm của nó. Bởi vì, trong văn hóa Do Thái, khi gọi người nào đó là *raca*, tức là đã xem người đó là một kẻ ngu dốt, vụng về, và biểu thị sự tức giận, khinh bỉ, và miệt thị họ. Ở đây, dường như Đức Giê-su muốn dạy các môn đệ và đám đông, tội giận anh em mình đã là một điều xấu, mà tội khinh bỉ anh em lại còn xấu hơn. Bởi vì, sự khinh bỉ anh em thường đến từ lòng kiêu ngạo của bản thân. Và một khi khinh bỉ, miệt thị ai đó, thì vô tình đã xúc phạm đến nhân phẩm của họ.<sup>17</sup>

*“Còn ai chửi anh em mình là quân phản đạo, thì đáng bị lửa hỏa ngục thiêu đốt” (Mt 5,22b)*

Hạn từ “quân phản đạo” *Μωρέ (Moros)* có nghĩa là *điên* ở phương diện thể lý. Khi gọi ai đó là *Moros*, điều đó đồng nghĩa với việc phỉ báng tình trạng luân lý, tước đoạt thanh danh của họ, và gán cho họ là kẻ sống vô luân. Người phạm tội làm mất thanh danh, xúc phạm đến phẩm giá anh em mình, thì đáng bị xử phạt nghiêm khắc, đó là sự xét xử của lửa hỏa ngục.<sup>18</sup>

Khi chúng ta tìm hiểu về lời dạy của Đức Giê-su trong việc so sánh “Luật dạy người xưa rằng: chớ giết người... Còn thầy, Thầy bảo cho anh em biết: Ai giận anh em mình.” Ở đây, Đức Giê-su đi sâu hơn về nguyên nhân của việc giết người. Theo Người, giận dữ cũng là sự giết người. Điều này cũng được thánh Gio-an nhắc lại: “Phàm ai ghét anh em mình, ấy là kẻ sát nhân” (1 Ga 3,15). Vì vậy, Đức Giê-su cho thấy số phận tương tự đang chờ đợi những kẻ sát nhân cũng

<sup>15</sup> Harrington, *The Gospel of Matthew*, 86.

<sup>16</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 189.

<sup>17</sup> William Barclay, ed., *The Gospel of Matthew*, 139.

<sup>18</sup> William Barclay, ed., *The Gospel of Matthew*, 140.

như người tức giận anh em mình.<sup>19</sup> Mt 5,21-22 cho chúng ta thấy được kết quả quá trình diễn tiến của những kẻ phạm tội: đầu tiên là bị đưa ra hệ thống tòa án. Sự chuyển dịch này được đưa từ toà án địa phương đến tòa án tối cao của quốc gia, rồi đến Thượng Hội Đồng, và cuối cùng là tòa phán xét của Thiên Chúa. Tòa phán xét của Thiên Chúa có thể hiểu là ngày cánh chung.<sup>20</sup>

*“VẬY, nếu khi anh sắp dâng lễ vật trước bàn thờ, mà sự nhớ có người anh em đang có chuyện bất bình với anh, thì hãy để của lễ lại đó trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em ấy đã, rồi trở lại dâng lễ vật của mình. Anh hãy mau dàn xếp với đối phương, khi còn đang trên đường đi với người ấy tới cửa công, kẻo người ấy nộp anh cho quan tòa, quan tòa lại giao anh cho thuộc hạ, và anh sẽ bị tống ngục. Thầy bảo thật cho anh biết: anh sẽ không ra khỏi đó, trước khi trả hết đồng xu cuối cùng” (Mt 5,23-26)*

Hai ví dụ minh họa ở Mt 5,23-24 và Mt 5,25-26 được nối với nhau một cách khá lỏng lẻo bởi chủ đề hòa giải ở giữa chúng.<sup>21</sup> Qua ví dụ minh họa đầu tiên ở Mt 5,23-24, Đức Giê-su muốn trình bày, việc có mặt của sự tức giận trong nguyên đường giống như một căn bệnh, một thứ “ung nhọt” mang tính hủy diệt sự hòa giải. Theo Đức Giê-su, sự hòa giải còn được ưu tiên hơn việc thờ phượng (Mt 5,24). Ví dụ minh họa thứ hai, Mt 5,25-26, cho thấy được vai trò cũng như sự cấp bách của việc hòa giải. Có thể, điều này ám chỉ sự phán xét trước mặt Thiên Chúa sắp xảy ra, như Mt 5,22 có đề cập. Một khi không hòa giải kịp và bị tống vào ngục, thì “sẽ không ra khỏi đó, trước khi trả hết đồng xu cuối cùng.”<sup>22</sup> Hạn từ *kodrantēn* (κοδράντην) trong tiếng Hy Lạp là một hạn từ vay mượn từ hạn từ *quadrans* trong tiếng Latinh. Nó có nghĩa là đồng tiền nhỏ nhất trong hệ thống tiền tệ La Mã. Dòng cuối của Mt 5,26 ngụ ý vụ việc liên quan đến khoản nợ chưa trả. Thế nhưng, việc bỏ tù vì những khoản nợ chưa trả không phải là một phong tục, thói quen của người Do Thái thời đó. Do đó, ví dụ này dường như đã giả định trước luật La Mã.<sup>23</sup>

Tóm lại, ở Mt 5,23-26, bên cạnh việc trình bày vai trò và tính cấp bách của việc hòa giải, Đức Giê-su còn yêu cầu người môn đệ không được tỏ ra tức giận vì bất cứ lý do gì. Người môn đệ cần phải nhanh chóng loại bỏ sự giận dữ ra khỏi tâm hồn, vì sự giận dữ được xem như gốc rễ hay bước đầu dẫn đến tội giết người.<sup>24</sup>

### *Phần đề 2: Phần đề về ngoại tình (Mt 5,27-30)*

Phần đề về ngoại tình được chia làm hai phần. Phần đầu bao gồm câu 27 và 28, cho thấy người có ham muốn tình dục với người khác trong lòng thì đã ngoại tình rồi, và như vậy là vi phạm Điều răn thứ bảy trong bản Thập Điều mà Chúa truyền cho Mô-sê. Phần sau bao gồm các câu 29-30. Phần này nói rằng tất cả những tội lỗi như vậy cần phải bị loại bỏ khỏi cuộc sống của chúng ta, vì chúng sẽ dẫn chúng ta đến sự phán xét cuối cùng. Những điều đó được minh họa ngang qua cấu trúc sau:<sup>25</sup>

#### 1. Sự đối nghịch (Mt 5,27-28)

<sup>19</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 190.

<sup>20</sup> Harrington, *The Gospel of Matthew*, 86.

<sup>21</sup> Harrington, *The Gospel of Matthew*, 86-87.

<sup>22</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 190 – 192.

<sup>23</sup> Harrington, *The Gospel of Matthew*, 87.

<sup>24</sup> Simonetti, *Matthew 1-13*, 101.

<sup>25</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 194-195.

- 1.1. Truyền thống: Chớ ngoại tình (c. 27)
- 1.2. Đức Giê-su: Cấm dục vọng (c. 28)
2. Giải pháp buộc phải loại bỏ nó (Mt 5,29-30)
  - 2.1. Những hành động cần thiết
    - 2.1.1. Móc mắt (c. 29a)
    - 2.1.2. Chặt tay (c. 30)
  - 2.2. Thà mất một còn hơn mất tất cả (c. 29b, 30b)

Giáo huấn “Chớ ngoại tình” Mt 5,31-32 được Đức Giê-su lấy ra từ Mười Điều Răn, điều được nói tới trong Xuất Hành “Không được ngoại tình” (Xh 20,14) và Đệ Nhị Luật “Người không được ngoại tình” (Đnl 5,18). Điều đó chứng tỏ thêm cách giải thích có thẩm quyền của Đức Giê-su về Kinh Torah. Sự đối nghịch trong đoạn văn này được thể hiện: truyền thống chớ ngoại tình (Mt 5,27), còn Đức Giê-su cấm dục vọng (Mt 5,28).<sup>26</sup>

*“Anh em đã nghe Luật dạy rằng: Chớ ngoại tình. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi” (Mt 5,27-28)*

Theo quan điểm của người Do Thái, ngoại tình có nghĩa là quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, chủ yếu được thực hiện bởi một người đã kết hôn. Đức Giê-su đã khái quát vấn đề này lên để chỉ đến tất cả những người có quan hệ tình dục bên ngoài hôn nhân. Cự Ước cũng đánh đồng dục vọng với tội ngoại tình trong lòng (Xh 20,17; Đnl 5,21). Tuy nhiên, Đức Giê-su nhấn mạnh đến mục đích: “thèm muốn” người phụ nữ ấy, là trong lòng đã phạm tội rồi.<sup>27</sup>

*“Nếu mắt phải của anh làm cớ cho anh sa ngã, thì hãy móc mà ném đi; vì thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân bị ném vào hỏa ngục. Nếu tay phải của anh làm cớ cho anh sa ngã, thì hãy chặt mà ném đi; vì thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân phải sa hỏa ngục” (Mt 5,29-30)*

Đức Giê-su đem ra hai hình ảnh con mắt và bàn tay để minh họa cho quan điểm của Người về cách tránh tội. Ở đây, hình ảnh con mắt và bàn tay có ý nghĩa rất đặc biệt, vì chúng là những yếu tố chính trong việc chuyển từ ham muốn (mắt) sang hình vi ngoại tình (bàn tay). Theo văn hóa Do Thái thời đó, bên phải là bên có quyền lực hơn bên trái. Việc Đức Giê-su yêu cầu “móc” và “chặt” đòi hỏi một biện pháp dứt khoát và mạnh mẽ để loại bỏ nguồn gốc của sự cám dỗ. Lý do cho việc đòi hỏi mạnh mẽ và triệt để đó là “thà mất một phần thân thể, còn hơn là toàn thân phải sa hỏa ngục.” Đức Giê-su muốn các môn đệ của mình nhận ra tầm quan trọng của vấn đề, chứ không xem nhẹ điều đó. Vì thà mất đi một phần quan trọng của thân thể mình, còn hơn là mất tất cả trong ngày phán xét.<sup>28</sup> Do đó, điều Đức Giê-su muốn dạy là những gì gây nên cám dỗ, khiến chúng ta sa vào tội lỗi, thì phải nhanh chóng và quyết liệt loại bỏ chúng ra khỏi đời sống của chúng ta một cách không thương tiếc, dẫu cho chúng có quan trọng với chúng ta như thế nào đi chăng nữa.<sup>29</sup>

<sup>26</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 195.

<sup>27</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 196.

<sup>28</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 196-197.

<sup>29</sup> Simonetti, *Matthew 1-13*, 148.

### *Phản đề 3: Phản đề về ly hôn (Mt 5,31-32)*

Phản đề này là phản đề ngắn nhất trong sáu phản đề ở bản văn này. Có thể bởi vì Mát-thêu sẽ phát triển vấn đề này ở chương mười chín. Do đó, phản đề này chỉ chứa đựng phản đề cơ bản mà không có hình ảnh minh họa. Cấu trúc minh họa cho phản đề này như sau:<sup>30</sup>

1. Truyền thống: Cho phép ly hôn và ly hôn cần có giấy chứng nhận (c. 31)
2. Mệnh lệnh của Đức Giê-su: Ly hôn đẩy đến phạm tội ngoại tình (c. 32)
  - 2.1. Ly hôn là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình
  - 2.2. Ly hôn khiến cho người cưới người đàn bà bị rầy phạm tội ngoại tình
  - 2.3. Ngoại trừ: Hôn nhân bất hợp pháp

*“Luật còn dạy rằng: Ai rầy vợ, thì phải cho vợ chứng thư ly dị” (Mt 5,31)*

Phần này được trích dẫn trong Đnl 24,1. Lệnh ly dị là từ bỏ quyền lợi hợp pháp của người chồng đối với người vợ và cho cô ấy quyền tự do kết hôn sau khi trao cho cô ấy giấy chứng thư ly dị, trước sự làm chứng của hai người.<sup>31</sup> Thế nhưng, Đức Giê-su lại đưa ra một lời dạy hoàn toàn trái ngược: “ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp, ai rầy vợ là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị rầy, thì cũng phạm tội ngoại tình.” Qua câu nói ở trên, Đức Giê-su muốn nói rằng ly dị không phải là ý muốn của Thiên Chúa. Vì thế, việc tái hôn, dù có giấy chứng nhận hay không, đều cấu thành tội ngoại tình. Trong văn hóa Do Thái thời Cựu Ước, toàn bộ việc ly hôn nhằm mục đích là để cho phép tái hôn. Tuy nhiên, dưới cái nhìn của Chúa, việc ly hôn chỉ cho phép tái hôn trong trường hợp “hôn nhân bất khả kháng.”<sup>32</sup>

### *Phản đề 4: Phản đề về giữ lời thề (Mt 5,33-37)*

Đến đoạn này, có thể thấy rằng nửa sau các ví dụ mà Đức Giê-su dùng để minh họa bắt đầu có một sự chuyển dịch. Sự công bình tốt hơn được triển khai và phát triển theo một hướng mới, đó là sự chuyển dịch sang sự trung thực trong tính cách của con người. Mt 5,33-37 có cấu trúc của như sau:

1. Truyền Thống (Luật Cựu Ước): Giữ lời thề (Mt 5,33)
2. Mệnh lệnh của Đức Giê-su: Không được thề thốt (Mt 5,34-36)
  - 2.1. Vì trời là ngai Thiên Chúa (c. 34)
  - 2.2. Vì đất là bệ dưới chân Người (c. 35a)
  - 2.3. Vì đó là thành của Đức Vua Cao Cả (c. 35b)
  - 2.4. Vì anh không thể làm cho một sợi tóc hóa trắng hay đen được (c. 36)
3. Giải pháp: Hãy để sự thật, sự liêm khiết (có và không) của bạn tự đứng vững (c. 37).

*“Anh em còn nghe Luật dạy người xưa rằng: chớ bội thề, những hãy trọn lời thề với Đức Chúa” (Mt 5,33)*

Lời tuyên bố của Đức Giê-su không phải là một câu trúc dẫn vào đơn thuần, nhưng là một sự tóm tắt từ nhiều điểm khác nhau trong Cựu Ước: Xh 20,7; Lv 19,12; Ds 30,2; Đnl 23,21-23.

<sup>30</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 199.

<sup>31</sup> Simonetti, *Matthew 1-13*, 151-152.

<sup>32</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 199 – 200.

Trong thế giới Cổ Đại, lời thề là một phần phổ biến của các hợp đồng, thỏa thuận, và hiệp ước. Trong các thỏa thuận, họ thường mời các vị thần làm chứng cho lời thề đó.<sup>33</sup> Bên cạnh đó, họ cũng thường cầu khẩn một trong những vị thần của họ để khẳng định một tuyên bố. Do đó, đối với người Do Thái, Thiên Chúa sẽ trở thành “nhân chứng” hợp pháp cho tính xác thực của lời tuyên bố.<sup>34</sup>

*“Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: đừng thề chi cả” (Mt 5,34a)*

Mt 5,34a là một trong những lời tuyên bố rõ ràng nhất của Đức Giê-su. Trong xã hội loài người, việc tuyên thệ trở nên phổ biến. Vậy chẳng, khi nói “đừng thề chi cả”, ý Mát-thêu nói Đức Giê-su là Đấng hủy bỏ mọi lời thề, kể cả giao ước?

Chúng ta phải hiểu rằng lời tuyên bố “đừng thề chi cả” của Người không có ý diễn tả Đức Giê-su muốn hủy bỏ mọi lời thề, chính điều này được chứng minh trong Dt 7,20-22.28; Rm 1,9; 2 Cr 1,23; Gal 1,20. Nhưng đúng hơn, những lời thề phù phiếm về các vấn đề thông thường, hay thậm chí những lời thề đó có thể hỗ trợ cho sự giả dối, đều bị cấm. Lời mời gọi đó hướng tới sự ngay thẳng, trung tín của con người trong cuộc sống.<sup>35</sup>

*“Đừng chỉ trời mà thề, vì trời là ngai Thiên Chúa. Đừng chỉ đất mà thề, vì đất là bệ dưới chân Người. Đừng chỉ Giê-ru-sa-lem mà thề, vì đó là thành của Đức Vua cao cả” (Mt 5,35)*

Khi chỉ trời mà thề là cầu khẩn chính ngai của Thiên Chúa (Tv 2,4; 11,4; Is 48,2), đó là đặc quyền thuộc về Thiên Chúa, không phải là của con người. Chỉ đất mà thề cũng là quay trở về với Thiên Chúa, vì Ngài đã tạo ra đất và nó là của Ngài. Chúa có quyền sử dụng đất như là bệ dưới chân Ngài, chứ đất không phải thuộc quyền sử dụng của chúng ta để chúng ta củng cố những yêu sách nhỏ nhất của mình. Chỉ Giê-ru-sa-lem mà thề, bạn đang hướng về phía đền thờ, ý là con người đang muốn nói Chúa phải làm điều gì đó cho mình. Giê-ru-sa-lem là thành phố của Chúa (Tv 48,2), chứ không phải là của con người, để họ điều khiển.

*“Đừng chỉ lên đầu mà thề, vì anh không thể làm cho một sợi tóc hóa trắng hay đen được. Nhưng hễ “có” thì phải nói “có”, “không” thì phải nói “không”. Thêm thắt điều gì là do ác quỷ” (Mt 5,36)*

Ví dụ minh họa này khác với ba ví dụ trên. Thay vì con người đi tìm kiếm những cái bên ngoài để thề thốt, thì nay, họ biến mình trở thành nền tảng của lời thề. Như thế, Đức Giê-su nhắc nhở chúng ta, ngay cả với con người mình, thì chính Chúa có quyền, chính Người là Chủ, chứ không phải chúng ta.<sup>36</sup> Bạn hãy để lời nói của bạn tự đứng vững: “Hễ “có” thì phải nói ‘có’, “không” thì phải nói ‘không’.” Nghĩa là phải có sự trung thực trong lời nói.

<sup>33</sup> Craig A. Evans, *Matthew*, New Cambridge Bible commentary (New York: Cambridge University Press, 2012), 126–127.

<sup>34</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 204.

<sup>35</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 204-205.

<sup>36</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 204.

### *Phản đề 5: Phản đề chó trả thù (Mt 5,38-42)*

Đoạn này, Đức Giê-su tiếp tục đối chiếu sự hiểu biết bề ngoài về các yêu cầu đạo đức trong Cựu Ước của các nhà lãnh đạo Do Thái với các hành vi có tính cấp tiến, nhân văn trong Vương Quốc của Người. Chúng ta có thể thấy được điều đó ngang qua cấu trúc:<sup>37</sup>

1. Phản đề (Mt 5,38-39a)
  - 1.1 Truyền thống lấy mắt đền mắt (c. 38)
  - 1.2 Mệnh lệnh không được chống cự (c. 39a)
2. Hình ảnh minh họa (Mt 5,39-42)
  - 2.1. Đưa má bên kia (c. 39b)
  - 2.2. Hãy cho đi cái áo choàng của bạn (c. 40)
  - 2.3. Đi hai dặm (c. 41)
  - 2.4. Cho vay (c. 42)

*“Anh em đã nghe luật dạy rằng: Mắt đền mắt, răng đền răng” (Mt 5,38)*

Điều răn này được Đức Giê-su trích dẫn ở Xh 21,24; Lv 24,20; Đnl 19,21. Nguyên tắc căn bản của luật này là *Jus talionis* hay *lex talionis*, tạm dịch là luật ngang bằng, hay có thể nói là công lý ở mức độ bình đẳng. Nguyên tắc của luật này: nếu ai làm cho một người khác thiệt hại điều gì đó, thì người bị thiệt hại sẽ gây lại cho người ấy sự thiệt hại ở mức độ tương đương. Thông thường, sự thiệt hại được bồi thường bằng tiền bạc. Đây là một luật cổ xưa, không chỉ trong luật Mô-sê, mà còn được tìm thấy trong bộ luật *Hammurabi* của người Ba-by-lon ở thế kỷ XVIII trước Công nguyên. Nó còn được áp dụng vào thời Đức Giê-su và Hội Thánh Tiên Khởi (1 Cr 3,17; Kh 19,2; 20,12-13).<sup>38</sup>

*“Còn Thầy, Thầy bảo anh em: đừng chống cự người ác” (Mt 5,39a)*

Thoáng qua, câu nói này dường như cho thấy Đức Giê-su muốn bác bỏ nguyên tắc công lý. Tuy nhiên, qua câu nói này, Đức Giê-su đang nói ở cấp độ trả thù cá nhân hơn là các quyền hợp pháp. Nguyên tắc không phản kháng hay trả thù có nghĩa là mình từ chối hạ mình xuống ngang hàng với kẻ xấu, kẻ lấy ác báo ác.<sup>39</sup>

*“Ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa” (Mt 5,39b)*

Thử hình dung về tình huống này, nếu một người thuận tay phải đứng trước một người khác, và muốn vả bên phải người ấy, thì họ chỉ có cách, một là xoay mình và vịn tay hết sức mới đánh được; bằng không họ chỉ có thể vả người kia bằng tay trái. Chiếu theo luật Ráp-bi Do Thái thời đó, nếu vả bằng mu bàn tay là xỉ nhục gấp hai lần vả bằng lòng bàn tay. Do đó, vả kiểu như vừa đề cập ở trên mang ý nghĩa thể hiện sự ngạo mạn, khinh bỉ, và xỉ nhục gấp đôi. Vì thế, Đức Giê-su muốn dạy các môn đệ, dù có ai trút vào anh những lời nhục mạ thậm tệ, anh cũng không được vì lý do gì mà báo thù.<sup>40</sup>

<sup>37</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 207.

<sup>38</sup> Evans, *Matthew*, 130.

<sup>39</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 208.

<sup>40</sup> Barclay, *The Gospel of Matthew*, 166.

*“Nếu có ai muốn kiện anh để lấy áo trong của anh, thì để cho nó lấy cả áo ngoài” (Mt 5,40)*

Trong văn hóa Do Thái, áo khoác ngoài đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó không chỉ dùng làm áo choàng, mà còn đóng vai trò làm tấm mền khi ngủ. Do đó, luật quy định, ngay cả người nghèo cũng có quyền giữ áo choàng (Xh 22,25-26; Đnl 24,12-13). Như vậy, Đức Giê-su muốn dạy các thánh giá của Người, đừng dựa vào quyền lợi của mình, đừng tranh luận về quyền lợi pháp lý, trái lại hãy xem như mình không có quyền gì cả.<sup>41</sup>

*“Nếu có người bắt anh đi một dặm, thì hãy đi với người ấy hai dặm” (Mt 5,41)*

Hình ảnh này xuất phát từ tình cảnh của một xứ bị chiếm đóng, đô hộ. Xã hội Do Thái thời Đức Giê-su, người Do Thái bị bắt phải phục dịch cho người La Mã. Người lính La Mã có quyền bắt dân thường phải gánh lấy gánh nặng cho họ (Mc 15,21), và việc làm này bị người Do Thái coi thường. Thế nhưng, Đức Giê-su lại dạy là “hãy đi với người ấy hai dặm”. Đức Giê-su muốn người môn đệ nghĩ về bản phận và đặc ân phục vụ kẻ khác. Một khi công việc đè nặng trên vai, dù là công việc vô lý và đáng ghét mấy đi chăng nữa, thì hãy làm một cách vui vẻ, chứ đừng làm với thái độ thù hằn.<sup>42</sup>

*“Ai xin, thì hãy cho; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi” (Mt 5,42)*

Ở câu nói này, Đức Giê-su đề cập đến lòng đạo đức của người Do Thái (Mt 6,1-4). Người muốn nhấn nhủ với người nghe là đừng bao giờ chùn bước về lòng quảng đại khi giúp đỡ kẻ túng thiếu.<sup>43</sup>

Tóm lại, Mt 5,38-42 cho chúng ta thấy được rằng đối với Luật Cựu Ước, sự trả thù tương đương đối với những hành động xấu xa là hợp lý. Tuy nhiên, dưới cái nhìn của Đức Giê-su, thì hình ảnh đó bị loại bỏ và thay thế. Với Người, người môn đệ không những từ chối cách trả thù, mà còn phải tích cực tìm kiếm sự hào phóng, giúp đỡ chính những người yêu cầu họ.

#### *Phản đề 6: Phản đề yêu đồng loại và ghét kẻ thù (Mt 5,43-48)*

Phản đề cuối cùng này đóng vai trò như một bản tóm tắt về năm phản đề trước đó. Trong phản đề này, Đức Giê-su cho thấy các mối quan hệ có tính cấp tiến, vì chúng đòi hỏi người môn đệ phải duy trì thái độ đối với người ngoài cũng giống như người trong cộng đồng. Cấu trúc văn chương ở đoạn này khá thú vị. Hai câu đầu (43-44) là một hình thức đối lập quen thuộc, nhưng đi theo đó là hai động cơ được miêu tả trong câu 45, cho chúng ta biết lý do của những hành vi đó. Mô tả cho điều đó là hai hình ảnh minh họa dưới dạng câu hỏi tu từ “nếu... thì” ở câu 46-47. Cuối cùng, phần kết là một huấn lệnh cao trào, không chỉ liên quan đến phần này, mà còn tất cả các phản đề trước đó, kêu gọi sự hoàn thiện về mặt đạo đức ở câu 48. Cấu trúc đó có thể được minh họa như sau:<sup>44</sup>

1. Phản đề: Phải yêu kẻ thù (Mt 5,43-48)
  - 1.1. Luật dạy: Yêu đồng loại và ghét kẻ thù (c. 43)
  - 1.2. Thầy bảo: Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho họ (c. 44)

<sup>41</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 208.

<sup>42</sup> Barclay, *The Gospel of Matthew*, 168.

<sup>43</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 209.

<sup>44</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 211.

2. Động cơ hay lý do (Mt 5,45)
  - 2.1. Được làm con Chúa (c. 45a)
  - 2.2. Những ân huệ tự nhiên (mặt trời, mưa) được ban xuống cho người tốt, công chính cũng như kẻ xấu, bất chính (c. 45b)
3. Hình ảnh minh họa (Mt 5,46-47)
  - 3.1. Ngay cả người thu thuế cũng yêu mến bạn bè mình (c. 46)
  - 3.2. Ngay cả người ngoại đạo cũng chào hỏi bạn bè (c. 47)
4. Lời khuyên: Hãy nên hòa thiện, như Cha trên trời (c. 48).

*“Anh em đã nghe Luật dạy rằng: Hãy yêu đồng loại và hãy ghét kẻ thù” (Mt 5,43)*

Đức Giê-su sử dụng về đầu tiên “Hãy yêu đồng loại” bắt nguồn từ Lv 19,18 và Đnl 6,4-5 để tóm tắt Kinh Torah trong Mt 22,34-40 hay Mc 12,28-34. Phần “hãy ghét kẻ thù” không có xuất hiện trong Cựu Ước, nhưng dựa vào câu nói của Đức Giê-su “anh em đã nghe Luật dạy rằng”, có thể suy luận điều này bắt nguồn từ Đnl 7,2; 23,3-7; 25,27-29; Tv 139,21-22, những đoạn nói về việc đánh đuổi và tiêu diệt kẻ thù.

*“Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em: hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em” (Mt 5,44)*

Mệnh lệnh này của Đức Giê-su được xem như một cuộc cách mạng, và không có bất cứ một bằng chứng nào trong văn chương Do Thái đề cập đến mệnh lệnh đó. Trong Lv 19,33-43 ra lệnh phải yêu thương người ngoại kiều cư trú, Cn 25,21 đề cập đến những hành vi tử tế đối với kẻ thù của mình, nhưng không có đoạn nào trong Cựu Ước đề cập đến vấn đề yêu thương kẻ thù. Điều Đức Giê-su mời gọi còn đi xa hơn tình yêu đối với kẻ thù, là “cầu nguyện cho kẻ ngược đãi anh em”.<sup>45</sup>

*“Như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời, vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính” (Mt 5,45)*

Qua câu văn này, cũng như các câu văn song tiếp theo, cho chúng ta thấy được lý do để yêu kẻ thù. Hành động yêu thương kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi là hành động của chính Chúa, khi Người ban phước lành: “vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính.” Nắng và mưa là những phúc lành tự nhiên tạo nên nền tảng cho sự phát triển của toàn bộ thụ tạo. Thiên Chúa không nguyên rửa kẻ ác bằng mọi điều xấu xa. Ngay cả đối với những kẻ xấu xa, chống đối Người, Người cũng yêu thương họ. Do đó, dân của Người cũng phải phản ánh sự tốt lành của Người ngay cả đối với kẻ bắt bớ mình.<sup>46</sup>

*“Vì nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì anh em nào có công chi? Ngay cả những người thu thuế cũng chẳng làm như thế sao?” (Mt 5,46)*

Qua câu hỏi tu từ này, Đức Giê-su thách thức các môn đệ của mình vượt ra ngoài phạm vi những mối tương quan thông thường. Tất cả mọi người, ngay cả những người bị khinh thường

<sup>45</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 212-213.

<sup>46</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 213.

như người thu thuế, cũng có thể đáp lại tình yêu thương đối với bằng hữu của mình. Mục đích của việc yêu thương kẻ thù là noi gương lòng nhân từ của Cha trên trời.<sup>47</sup>

*“Nếu anh em chỉ chào hỏi anh em mình thôi, thì anh em có gì lạ thường đâu? Ngay cả những người ngoại cũng chẳng làm như thế sao?” (Mt 5,47)*

Trong văn hóa Do Thái thời đó, kiểu chào mà một người nhận được thể hiện địa vị của họ trong xã hội, và những tầng lớp thượng lưu thích nhận được những lời chào nồng nhiệt (Mt 23,7). Đức Giê-su muốn nhấn mạnh, những lời chào như vậy nên được dành cho người lạ, thậm chí cả kẻ thù của mình, chứ không chỉ cho đồng môn. Ngay cả những người ngoại bị khinh miệt cũng làm được điều đó. Do đó, các môn đệ cần phải làm tốt hơn những quy chuẩn đạo đức thông thường.<sup>48</sup>

*“Vậy anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mt 5,48)*

Câu này là một lời kết thúc cho đoạn Mt 5,43-47, nhưng đồng thời, nó cũng là tóm kết cho tất cả những gì được trình bày ở Mt 5,21-48, đó là sự hoàn thiện về mặt đạo đức. Hạn từ hoàn thiện (*τέλειοι*) tương ứng với hạn từ “*tamim*” trong tiếng Do Thái, thường được dùng để chỉ một của lễ hoàn hảo, không tí vết, trọn vẹn, hay sự ngay thẳng về mặt đạo đức (St 6,9; 17,1; Đnl 18,13; 2 Sm 22,24-26). Bên cạnh đó, hạn từ hoàn thiện còn được dùng để chỉ một sự cam kết tuyệt đối và trung thành với Thiên Chúa (Tv 15,2; 84,11). Còn *Qumran* hiểu hoàn thiện ở khía cạnh luật pháp, nghĩa là hết lòng tuân thủ và sống theo lời dạy mà Lễ Luật đưa ra. Hạn từ hoàn thiện mà thánh sử Mát-thêu sử dụng ở đây có ý nghĩa là hết lòng vâng phục tất cả những gì Đức Giê-su đã nói (Mt 28,19), tuân thủ hoàn toàn những lời dạy của Người.<sup>49</sup>

Điều cốt yếu của việc Đức Giê-su mời gọi chúng ta trở nên hoàn thiện như Cha trên trời, là mọi suy nghĩ, lời nói, việc làm, và các mối tương quan của con cái trong Vương Quốc phải biết noi gương Cha trên trời. Điều đó đồng nghĩa với việc làm theo tất cả những gì Đức Giê-su đã dạy, là đối xử với mọi người xung quanh bằng tình yêu và lòng thương xót như Người đã làm. Như thế, sự công bình vượt trội mà Đức Giê-su bắt đầu nói đến trong Mt 5,20 được tóm tắt ở đây là hình ảnh trở nên hoàn thiện trong mức độ giống với lòng nhân từ của Cha trên trời.<sup>50</sup>

### Lời Mời Gọi Sống

Ngày nay, hầu hết nhân loại đang sống trong một thế giới thượng tôn pháp luật. Trong các mối tương quan và các vấn đề của xã hội, người ta thường đem pháp luật vào để soi chiếu, hướng dẫn. Việc sống và làm việc theo pháp luật là điều tốt; việc thượng tôn pháp luật chẳng có gì là sai. Chẳng hạn, chắc chắn mỗi người chúng ta cần phải thi hành theo những điều lệ mà luật pháp cấm, như tránh làm những điều trực tiếp gây tổn thương cho người khác như sát sinh, ngoại tình, nói dối... Tuy nhiên, việc tuân theo các luật lệ bên ngoài đó chỉ là mức tối thiểu và không thể tạo ra một tình yêu đích thực.

<sup>47</sup> David L. Turner, *Matthew*, Baker exegetical commentary on the New Testament (Grand Rapids, MI: Baker Academic, 2008), 176.

<sup>48</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 213.

<sup>49</sup> Osborne and Arnold, *Matthew*, 214.

<sup>50</sup> Turner, *Matthew*, 177.

Thử tưởng tượng, trong đời sống hôn nhân của một cặp vợ chồng, họ chỉ tuân giữ Mười Điều Răn và nói: “Đời sống hôn nhân của chúng tôi viên mãn. Chúng tôi giữ nghiêm ngặt Mười Điều Răn, không có trộm cắp, không có nói dối, không sát sinh...”. Liệu rằng điều đó có tạo nên một cuộc hôn nhân lý tưởng? Ất hẳn là không. Thiên Chúa không muốn họ chỉ dừng lại ở việc tránh làm tổn thương nhau, nhưng Ngài muốn họ được lớn lên trong tình yêu thông hiệp và trao ban. Thiết nghĩ, đó cũng là điều mà Đức Giê-su ao ước ở các môn đệ của Người. Việc sống theo những quy chuẩn đạo đức, xã hội là điều tốt, nhưng chúng chỉ là mức căn bản cần thiết. Nhưng để sống như những thành viên trong Vương quốc, chúng ta cần phải làm nhiều hơn nữa. Người môn đệ đích thực là người không ngừng đi sâu và trau dồi nội tâm để biến đổi tâm hồn và xây dựng tình yêu thương, như sự kiên nhẫn, hiền lành, trong sạch, và lòng xót thương như Đức Giê-su đã dạy trong Bài Giảng Trên Núi. Đó chính là lý do tại sao Chúa Giê-su mời gọi mỗi người chúng ta vượt lên trên sự tuân thủ bên ngoài theo những đòi hỏi của những quy định lệ luật để hướng đến tình yêu hoàn hảo của Cha trên trời, Đấng chính là tình yêu (Mt 5,48; 1 Ga 4,8). Tình yêu mà Đức Giê-su mời gọi chúng ta vượt quá khả năng của bản chất con người tội lỗi của chúng ta. Nhưng nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần mà chúng ta nhận được qua đức tin và các bí tích, Thiên Chúa làm cho điều bất khả đó trở nên khả thi. Chính gương sáng của các vị thánh đã chứng minh điều đó.<sup>51</sup>

Vậy, với tư cách là một Ki-tô hữu cách chung, hay một tu sĩ cách riêng, bạn có dám can đảm bước theo và sống với một quy chuẩn đạo đức, một nền Luật Lệ cao hơn những quy định, luật lệ của xã hội thông thường, đó là Luật Đức Ái, Luật mà chính Đức Giê-su đã thông ban và đã sống, để được trở nên hoàn thiện như Cha trên trời?

### Kết luận

Qua bản văn Tin Mừng vừa phân tích, có thể thấy, Đức Giê-su đến thế gian không phải để phá đổ, nhưng là để kiện toàn Lễ Luật. Việc kiện toàn của Đức Giê-su thể hiện ở chỗ, Người giảng dạy và mời gọi không chỉ cho các môn đệ, mà còn cho tất cả mọi người chúng ta thực hành một nền đạo đức, một lối sống, và một Lễ Luật mới. Đó là luật Đức Ái, để trở nên hòa thiện như Cha trên trời. Cách thức và khuôn mẫu để thực hành sự hoàn thiện là mỗi ngày chúng ta chiêm ngắm tình yêu của Thiên Chúa qua Người Con của Ngài là Đức Giê-su, và bắt chước Người sống lòng xót thương, vị tha, phục vụ con người nơi đời sống thường nhật.

### Reference

- Barclay, W. (Ed.). (1975). *The Gospel of Matthew* (Rev. ed.). Westminster Press.
- Evans, C. A. (2012). *Matthew*. Cambridge University Press.
- Harrington, D. J. (1991). *The Gospel of Matthew*. Liturgical Press.
- Mitch, C., & Sri, E. P. (2010). *The Gospel of Matthew*. Baker Academic.
- Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ. (2019). *Kinh Thánh: Ấn bản 2011* [The Holy Bible: 2011 edition]. Nhà Xuất Bản Tôn Giáo.
- Osborne, G. R. (2010). *Matthew*. Zondervan.

---

<sup>51</sup> Curtis Mitch and Edward P. Sri, *The Gospel of Matthew*, Catholic commentary on Sacred Scripture (Grand Rapids, MI: Baker Academic, 2010), 101.

Simonetti, M. (Ed.). (2001). *Matthew 1–13*. InterVarsity Press.

Turner, D. L. (2008). *Matthew*. Baker Academic.

### Về Tác giả

Nguyễn Văn Biển hiện là tu sĩ Dòng Tên Việt Nam. Thầy hiện là sinh viên của Học Viên Thánh Giuse Dòng Tên Việt Nam.

Nguyen Van Bien is a Vietnamese Jesuit. Currently, Nguyen Van Bien is a student at the Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.

### Vài nét về Hội Dòng

Dòng Tên (Dòng Chúa Giêsu) được thành lập vào năm 1540 bởi Thánh Inhã Loyola và các bạn đồng hành. Sứ mạng của Dòng Tên là sứ mạng hòa giải, nỗ lực để con người có thể giao hòa với Thiên Chúa, với chính mình, với nhau và với công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Dòng Tên được chính thức thành lập vào năm 1540 bởi Thánh Inhã Loyola với sự phê chuẩn của Đức Giáo hoàng Phaolô III. Thánh Inhã đã quy tụ quanh mình một nhóm những người đàn ông nhiệt huyết và có học vấn cao, những người không khao khát điều gì hơn là giúp đỡ người khác tìm thấy Thiên Chúa trong cuộc đời họ. Kế hoạch ban đầu của Thánh Inhã là các tu sĩ Dòng Tên sẽ trở thành những nhà truyền giáo lưu động, thực hiện việc giảng thuyết và cử hành các bí tích ở bất cứ nơi nào có hy vọng mang lại thiện ích lớn lao hơn. Kể từ khi thành lập, từ 10 thành viên ban đầu, Dòng đã phát triển lên đến hơn 15.000 tu sĩ trên toàn thế giới.

### Brief introduction of the Jesuits

The Society of Jesus was founded in 1540 by Saint Ignatius Loyola and his companions. The Jesuit mission is a mission of reconciliation, working so that women and men can be reconciled with God, with themselves, with each other and with God's creation. The Society of Jesus was founded in 1540 by St. Ignatius Loyola with the approval of Pope Paul III. Ignatius Loyola had gathered around him an energetic band of well-educated men who desired nothing more than to help others find God in their lives. It was Ignatius' original plan that the Jesuits be travelling missionaries who would preach and administer the sacraments wherever there was the hope of accomplishing the greater good. Since its foundation the Order has grown from the original ten to more than 15,000 Jesuits worldwide.